

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Kim Thương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Vân

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 101/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Tòa án nhân dân Quận N đã căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cửu Q, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 389 – 391 đường A, Phường L, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức R, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 191 đường S, Phường O, quận C – là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 01 năm 2019).

Bị đơn: Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ trụ sở: Số 36 đường D, phường P, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phùng Lưu Tấn Y.

Địa chỉ: Số 110B đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
– là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 4 năm 2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân Quận N.

Địa chỉ: Số 168 đường H, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Minh L - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 6 năm 2019).

Tại đơn kháng cáo ngày 15 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn là bà Nguyễn Cửu Q có đơn kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 101/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

[1] Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 101/2020/QĐST-DS, với lý do: việc bà Q khởi kiện vụ án dân sự đối với Công ty Cổ phần T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân Quận N là không đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, bà Nguyễn Cửu Q là nguyên đơn có đơn kháng cáo đề nghị hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Quận N, với lý do: Tòa án nhân dân Quận N đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ và không đúng quy định pháp luật, vì tranh chấp dân sự giữa bà Q với Công ty Cổ phần T vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, không thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như Tòa án nhân dân Quận N nhận định.

[2] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đối tượng tranh chấp trong vụ án này là một phần thửa đất số 36, 37 tờ bản đồ số 4 (theo tài liệu 2002), phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích 432,91m². Diện tích đất này đã được thu hồi bằng Quyết định số 783/QĐ – TTg ngày 13/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ giao cho Công ty Cổ phần T để đầu tư hạ tầng cơ sở Khu đô thị S, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, nguyên đơn – bà Nguyễn Cửu Q không có quyền khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn – Công ty Cổ phần T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét thấy cần phải đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, nguyên đơn – Nguyễn Cửu Q đang khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo thụ lý vụ án số

49/TB – TLVA ngày 26/3/2019 nên không có quyền khởi kiện đối với vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất đối với Công ty Cổ phần T.

Vì vậy, việc Tòa án nhân dân Quận N ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên điều khoản áp dụng chưa chính xác cần phải sửa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng phúc thẩm sửa Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 101/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận N theo hướng nêu trên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Cửu Q, nhận thấy:

[3.1] Theo Quyết định số 1042/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/11/1998 về việc phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng cơ sở khu đô thị mới S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 783/QĐ – TTg ngày 13/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ thì Công ty Cổ phần T, Thành phố Hồ Chí Minh được giao 1.310.915m² đất tại các phường E, D và S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư hạ tầng cơ sở Khu đô thị S, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/3/2000, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1776/QĐ – UB – ĐB về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc khác và đền bù, trợ cấp thiệt hại, tái bố trí dân cư trong dự án đầu tư hạ tầng cơ sở khu đô thị mới S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.2] Theo Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 35/UBND – XN ngày 28/02/2011 của Ủy ban nhân dân phường D, Quận N xác nhận vị trí giải tỏa là một phần thửa đất số 36, 37 tờ bản đồ số 4 (theo tài liệu 2002), phường D, Quận N diện tích 432,91m² do bà Nguyễn Cửu Q là chủ sở hữu, chủ sử dụng đất nằm trong dự án khu đô thị mới S. Ngày 25/8/2017, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận N có Tờ trình số 830/tTr – BBT về ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Nguyễn Cửu Q.

[3.3] Ngày 01/9/2017, Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 4975/QĐ – UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Nguyễn Cửu Q, là chủ sử dụng căn nhà (thửa đất) thuộc một phần thửa đất số 36, 37, tờ bản đồ số 4 theo tài liệu 2002 (thuộc một phần thửa 288, tờ bản đồ số 2 theo tài liệu 299/TTg), phường D, Quận N. Không đồng ý với quyết định, bà Q đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo thụ lý vụ án số 49/TB – TLVA ngày 26/3/2019.

[4] Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai 2013: Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

trong các trường hợp: 2. Thực hiện các dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất, bao gồm: a) Dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khu đô thị mới.

Và căn cứ vào khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai 2013 quy định về Quyền chung của người sử dụng đất: Được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật này.

Như vậy, quyền sử dụng đất đối với diện tích 432,91m² thuộc một phần thửa đất số 36, 37 tờ bản đồ số 4 theo tài liệu 2002 (thuộc một phần thửa 288, tờ bản đồ số 2 theo tài liệu 299/TTg), phường D, Quận N đã bị thu hồi giao cho Công ty Cổ phần T để đầu tư hạ tầng cơ sở Khu đô thị S, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 783/QĐ – TTg ngày 13/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối chiếu quy định pháp luật đã viện dẫn ở trên thì bà Q không có quyền khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với Công ty Cổ phần T, vì đất đã bị thu hồi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

[5] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là không đúng mà cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mới đúng. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Về người khởi kiện không có quyền khởi kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Người khởi kiện không có quyền khởi kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện khi thuộc một trong các trường hợp sau: 2. Yêu cầu khởi kiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân không cần xác minh, thu thập chứng cứ cũng đủ căn cứ kết luận là không có việc quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm phạm hoặc cần bảo vệ.

[6] Vì vậy, cấp phúc thẩm sửa lại căn cứ áp dụng pháp luật tại quyết định đình chỉ giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Yêu cầu kháng cáo của bà Q đề nghị hủy quyết định đình chỉ không có cơ sở nên không chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng phúc thẩm sửa quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án nhân dân Quận N theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp.

[8] Về án phí phúc thẩm: do sửa quyết định nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 314, điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 62, khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Cửu Q.
2. Sửa Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 101/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

2.1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cửu Q, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 389 – 391 đường A, Phường L, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức R, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 191 đường S, Phường O, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 01 năm 2019).

Bị đơn: Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ trụ sở: Số 36 đường D, phường P, Quận V, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phùng Lưu Tấn Y.

Địa chỉ: Số 110B đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 4 năm 2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân Quận N.

Địa chỉ: Số 168 đường H, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Minh L - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 6 năm 2019).

2.2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: bà Nguyễn Cửu Q không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự này.

2.3. Về án phí: Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 69.000.000 (Sáu mươi chín triệu) đồng cho bà Nguyễn Cửu Q theo biên lai thu số AA/2017/0016057 do Chi cục thi hành án Quận N lập ngày 22/02/2019.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Cửu Q không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Q số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0027937 ngày 23/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận N.

4. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận N;
- Tòa án nhân dân Quận N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương